

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ – ST
Ngày: 21/7/2017
V/v “TrK chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DK
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Bà Tùng

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn SK- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2017/TLST-HNGĐ ngày 28-02-2017 về trK chấp “TrK chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-DS ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1992 (có mặt)

HKTT: Xóm 3, xã M, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số S, khu phố 3, phường Y, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1988; (vắng mặt)

HKTT: Xóm D, xã Đ, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số S, khu phố 3, phường Y, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-2-2017, quá trình hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Nghệ An, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70, quyển số 01/2014 ngày 31/7/2014.

Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc. Nhưng từ khi kinh tế gia đình bị sa sút, cộng thêm việc bà mang thai nên bà thường hay khó chịu, vì thế mà ông H thường xuyên cáu gắt, lớn tiếng với bà. Trong thời gian mang thai ông H không chăm sóc, không thông cảm, không quan tâm đến bà T mà còn dùng những lời nói thô tục nặng nề để chửi mắng bà. Mặt khác quan điểm sống của hai vợ chồng bà hoàn toàn trái ngược nhau, ông H thường áp đặt ý chí cá nhân của ông H và buộc bà phải nghe theo, bà không được phản kháng. Bà đã cố gắng chịu đựng cho đến lúc sinh con, một mình bà chăm sóc con, ông H không đoái hoài, quan tâm hay chia sẻ gì với bà cả. Ông bà đã tự sống ly thân gần một năm nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm cho vợ chồng bà nữa vì bà nhận thấy mâu Lẫn đã thật sự trầm trọng

- Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh K, sinh ngày 22/12/2014. Bà T có nguyện vọng muốn được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), và tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T, ông H

Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã nhiều lần ông H đều không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để Lyết phục động viên các bên giải quyết mâu Lẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau. Sau nhiều lần vắng mặt, đại diện Tòa án cũng đã phối hợp với đại diện địa phương đến nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu H để làm rõ tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông H và tìm hiểu nguyên nhân vắng mặt của ông H nhưng ông H đã cố tình lẩn tránh không phối hợp với đại diện Tòa án và chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Để bảo đảm quyền và lợi ích cho bị đơn, Tòa án cũng đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, cho bị đơn nhưng đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Qua xác minh tại Công an phường Y và tại Ban điều hành khu phố 3, phường Y thành phố B xác nhận ông Nguyễn Hữu H trước đây đăng ký tạm trú tại số S, khu phố 3, phường Y, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị T. Tuy nhiên ông H làm nghề lái xe nên thường xuyên không có mặt địa phương, hiện nay ông H đã chuyển lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nhưng chuyển đi từ thời gian nào thì địa phương không nắm vì khi ông H chuyển đi ông H không thông báo cho địa phương biết.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã xác minh và L thập lời khai của bà Hồ Thị L- mẹ ruột của bà Trần Thị T về tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông H, bà T để làm căn cứ xét xử.

Bà Hồ Thị L trình bày: Bà T và ông H quen và yêu nhau từ năm 2012 khi cả hai cùng đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Khi ông H và bà T cưới nhau thì bà T và ông H sống cùng với bà tại số S, khu phố 3, phường Y, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông H làm nghề lái xe chở hàng, bà T ở nhà chăm con và buôn bán nhỏ. Ông H thường xuyên đi làm ít khi về nhà, mỗi khi về nhà thì vợ chồng lại gây gỗ, cãi nhau. Khi bà T nói với ông H bà T muốn ly hôn thì ông H cũng không muốn níu kéo. Cả hai đã làm đơn Lận tình ly hôn, ông H đã ký nhưng ông H không đến Tòa án. Bà T phải làm đơn khởi kiện xin ly hôn, ông H biết, mỗi khi về nhà bà T đều bảo ông H đến Tòa để giải quyết nhưng H không đến, ông H nói Tòa án muốn làm gì thì làm. Ông H đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho bà T, nhưng ông H không cấp dưỡng nuôi con. Giữa ông H và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

-Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Thị Quỳnh K, sinh ngày 22/12/2014 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, nuôi con chung : Trước khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì bị đơn vẫn đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên Lộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà T cho rằng giữa bà và ông H có quá nhiều mâu Lẫn trong quan điểm sống, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi vã gây mất hạnh phúc trong gia đình. Cộng với việc ông H thường xuyên đi làm ít về nhà, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông H thường xuyên dùng những lời lẽ nặng nề thô tục, gây tổn thương bà mỗi khi cãi nhau. Hai vợ chồng bà đến với nhau vì tình yêu, vượt qua bao nhiêu khó khăn nơi xứ người mới đến được với nhau. Tuy nhiên đến thời điểm này bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa. Hiện nay ông bà đã tự ý ly thân không còn sống chung một nhà nữa, không ai quan tâm đến ai, việc ai nấy làm. Tòa án đã nhiều lần động viên ông H đến Tòa án để Tòa án tiến hành hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt chứng tỏ ông H không có thiện chí hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà T biết về hậu quả của việc ly hôn nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn, bà T xác định bà không còn tình cảm với ông H nữa. Điều này chứng tỏ mâu Lẫn giữa bà và ông H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì thế Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2] **Về con chung:** Ông H, bà T có 01 con chung Nguyễn Thị Quỳnh K, sinh ngày 22/12/2014. Bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu K chưa đủ 03 tuổi và hiện nay vẫn đang sống với bà T vì thế yêu cầu của bà T là hoàn toàn phù hợp nên cần công nhận.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung:** Bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] **Về án phí:**

Bà Trần Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức L, miễn, giảm, L, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

2.Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Quỳnh K, sinh ngày 22/12/2014 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003291 ngày 27/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Như vậy bà T đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THA DS thành phố B;
- UBND xã Đ, huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Văn Thị Hiền

